

CÔNG TY CỔ PHẦN VIDEOR HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIDEOR HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108359838

3. Ngày thành lập: 10/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 66 Quốc lộ 3, Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986051068

Fax:

Email: tongdung256@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
2.	Phá dỡ	4311
3.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
5.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
6.	Sản xuất giày dép	1520
7.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Xây dựng nhà các loại	4100
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cổ định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm bằng gốm chưa được phân vào đâu.	2393
13.	In ấn	1811
14.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
15.	Bán buôn đồ uống	4633

16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649(Chính)
17.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
18.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
19.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ kinh doanh vận tải biển quốc tế và kinh doanh vận tải biển nội địa)	5012
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hoá cảng biển	5224
27.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
28.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
33.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
34.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, - Thử độ ẩm và các công việc thử nước, - Chông ẩm các toà nhà, - Xây gạch và đặt đá, - Lợp mái bao phủ toà nhà, - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời.	4390
37.	Bán buôn thực phẩm	4632

38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
43.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;	4659
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng;	4329
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đầu giá qua Internet)	4791
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
48.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
51.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
54.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9311
55.	Quảng cáo	7310
56.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

60.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
61.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
62.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TÓNG THỊ DUYÊN	Số 4 Ngách 178/11 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	013598042	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
2	PHẠM THUẬN LÂM	TDP số 2 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	030065003450	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
3	VŨ VĂN TÚ	Tổ 3, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	034073005560	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
4	PHẠM BÁCH TÙNG	Số 2B T/T Lấp ghép 2 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	034072006913	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
5	TÓNG THỊ DUNG	151 Nguyễn Văn Hới, tổ 17, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	035186003192	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

6	NGUYỄN VĂN HỒNG	Số 32 ngõ 120 Trường Trinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	034058002682	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
7	BÙI CÔNG CHÍNH	Lô 47/65, Khu 2, Thị trấn Tiên Hải, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	034079000283	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TÔNG THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035186003192

Ngày cấp: 11/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 151 Nguyễn Văn Hới, Tổ 17, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 151 Nguyễn Văn Hới, Tổ 17, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội